

BÁO CÁO

Về việc giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện trong các tháng còn lại năm 2024

Kính gửi:

- Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Văn bản số 7242/VPVP-QHĐP ngày 05/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về tổ chức buổi làm việc của Tổ công tác số 1 với các địa phương về giải ngân vốn đầu tư công. Theo đó, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý 9 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện trong các tháng còn lại năm 2024, với nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN) NĂM 2024

1. Tình hình phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024

Tổng kế hoạch vốn năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương thực hiện là 7.865,6 tỷ đồng, Hội đồng nhân dân tỉnh giao thực hiện là 9.467,6 tỷ đồng, bao gồm:

1.1. Vốn ngân sách địa phương: 7.638,5 tỷ đồng, được phân bổ như sau:

a) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 7.413,5 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn Đầu tư tập trung: 621,112 tỷ đồng (vốn kéo dài sang năm 2024 là 0,290 tỷ đồng, vốn năm 2024 là 620,822 tỷ đồng).

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 6.373,424 tỷ đồng (vốn kéo dài sang năm 2024 là 4,574 tỷ đồng, vốn năm 2024 là 6.368,85 tỷ đồng).

- Vốn Xổ số kiến thiết: 140 tỷ đồng.

- Bội chi ngân sách: 279 tỷ đồng.

b) Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước: 35 tỷ đồng.

c) Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh: 190 tỷ đồng.

1.2. Vốn ngân sách Trung ương: 1.829,113 tỷ đồng (vốn kéo dài sang năm 2024 là 52,176 tỷ đồng, vốn năm 2024 là 1.776,937 tỷ đồng), được phân bổ như sau:

a) Vốn trong nước: 1.644,263 tỷ đồng, bao gồm:

- Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 751,760 tỷ đồng.
- Nguồn tăng thu năm 2022: 500 tỷ đồng.

- Vốn Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia: 392,503 tỷ đồng (vốn kéo dài sang năm 2024 là 52,176 tỷ đồng, vốn năm 2024 là 340,327 tỷ đồng).

b) Vốn nước ngoài (ODA): 184,850 tỷ đồng.

Toàn bộ kế hoạch vốn này sau khi được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh đã phân bổ 100% kế hoạch để triển khai thực hiện.

2. Tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024:

Trong 9 tháng đầu năm 2024, giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý là 5.737,6 tỷ đồng. So với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, tỷ lệ giải ngân đạt 72,95%; so với kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tỷ lệ giải ngân đạt 60,6% kế hoạch vốn, cao hơn mức bình quân cả nước (42,96%). So với cùng kỳ, giá trị giải ngân cao hơn 95,8 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân cao hơn 2,04%, cụ thể như sau:

2.1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh : 4.469,520 tỷ đồng, đạt 58,51% kế hoạch vốn giao, bao gồm:

a) Nguồn vốn Đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh (kể cả vốn kéo dài): 4.426,753 tỷ đồng, đạt 59,71% kế hoạch vốn giao, bao gồm:

- Vốn đầu tư tập trung: 454,034 tỷ đồng, đạt 73,10%;
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.707,245 tỷ đồng, đạt 58,17%;
- Xổ số kiến thiết: 115,294 tỷ đồng, đạt 82,35%;
- Bội chi ngân sách: 150,180 tỷ đồng, đạt 53,83%.

b) Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước: 2,767 tỷ đồng, đạt 7,91% kế hoạch vốn giao.

c) Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh: 40 tỷ đồng, đạt 21,05% kế hoạch vốn giao.

2.2. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 1.268,129 tỷ đồng, đạt 69,33% kế hoạch vốn giao, bao gồm:

a) Vốn trong nước:

- Nguồn vốn trung ương hỗ trợ theo mục tiêu: 502,014 tỷ đồng, đạt 66,78% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn tăng thu năm 2022: 371,771 tỷ đồng, đạt 74,35% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn vốn Các Chương trình mục tiêu quốc gia (kể cả vốn kéo dài): 229,323 tỷ đồng, đạt 58,4% kế hoạch vốn giao

b) Vốn nước ngoài (ODA): 165,112 tỷ đồng, đạt 89,32% kế hoạch vốn giao.

(Các Phụ lục chi tiết số 01, 2a, 2b, 2c đính kèm)

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trên cơ sở chỉ đạo kịp thời, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh đã chủ động điều hành, chỉ đạo các cơ quan tham mưu tổng hợp, cơ quan tài chính và các chủ đầu tư tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, phấn đấu đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao. Mặt khác, các chủ đầu tư đã rút kinh nghiệm từ các năm trước, nên trong thực hiện kế hoạch 2024 đã có những chuyển biến tích cực về chỉ đạo điều hành dự án.

Bên cạnh, những mặt tích cực đạt được, trong công tác giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn những tồn tại, hạn chế sau:

- Do thị trường bất động sản phục hồi chậm, nên tiến độ thu tiền sử dụng đất của tỉnh đến 30/9/2024 tuy cao hơn so với cùng kỳ, nhưng vẫn chưa đạt như yêu cầu đặt ra (Đến ngày 30/9/2024 thu tiền sử dụng đất: 4.573,986 tỷ đồng, đạt 74,84% kế hoạch, trong đó thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh: 1.739,309 tỷ đồng, đạt 48,31%; Thu tiền sử dụng đất cấp huyện: 2.834,677 tỷ đồng, đạt 112,85%). Do vậy, vẫn còn một số khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành chưa có nguồn để thanh toán phần nào cũng có ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung theo kế hoạch.

- Nguồn thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước tuy số tuyệt đối không lớn, nhưng tiến độ thu đạt thấp dẫn đến tỷ lệ giải ngân từ nguồn vốn này đạt thấp.

- Một số chủ đầu tư thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư còn chậm trễ, vẫn còn một số trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án làm tăng tổng mức đầu tư và làm chậm việc triển khai thực hiện dự án.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư của một số dự án gặp vướng mắc, tiến độ chậm nên chưa có mặt bằng sạch để giao đơn vị thi công triển khai thực hiện.

- Một số chủ đầu tư còn thực sự chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, dẫn đến một số dự án, công trình hoàn thành, chuyển tiếp mặc dù đã được giao kế hoạch đầu năm, nhưng tỷ lệ giải ngân vẫn chưa đạt yêu cầu.

III. KIẾN NGHỊ

1. Các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2024, UBND tỉnh sẽ tiếp tục quán triệt sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; có quyết tâm cao hơn nữa, coi nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

Một là, trong các tháng cuối năm phải phấn đấu tăng thu từ nguồn sử dụng đất để đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư công theo kế hoạch vốn năm 2024 đã được HĐND tỉnh thông qua.

Hai là, tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các nội dung đẩy mạnh giải ngân theo chỉ đạo của Trung ương và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh, cương quyết điều chỉnh giảm kế hoạch đối với các dự án giao đầu năm nhưng chưa hoàn thành thủ tục lựa chọn nhà thầu, dự án có tỷ lệ giải ngân chưa đạt theo tinh thần của Chỉ thị, báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh theo thẩm quyền.

Ba là, bảo đảm tiến độ giải phóng mặt bằng, trong đó cần bám sát cơ sở, giải quyết triệt để, kịp thời khi phát sinh bất cập; nghiên cứu và có những giải pháp cụ thể, hữu hiệu để tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm thực hiện, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa, tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bốn là, đẩy nhanh công tác thẩm định chuyên ngành đối với các dự án khởi công mới và các dự án điều chỉnh, trong đó gắn trách nhiệm người đứng đầu nếu để xảy ra chậm trễ.

Năm là, trên cơ sở tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2024, trong trường hợp cần thiết UBND tỉnh sẽ thành lập tổ công tác cấp tỉnh thực hiện đôn đốc tình hình triển khai, giải ngân vốn đầu tư công của các đơn vị, địa phương để đẩy nhanh tiến độ giải ngân hoặc báo cáo HĐND tỉnh các nội dung cần điều chỉnh kế hoạch theo thẩm quyền.

2. Kiến nghị sửa đổi một số khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Luật Đầu tư công

(1) Vừa qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 6933/BKHĐT-TH ngày 28/8/2024 về việc đề nghị có ý kiến đối với Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi, theo đó qua rà soát Dự thảo, tỉnh Bình Định nhận thấy các vướng mắc phát sinh lâu nay cơ bản đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế như: làm rõ khái niệm khái niệm về nợ đọng XD/CB theo hướng giới hạn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, không phải kế hoạch đầu tư công hằng năm; quy định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án được tính liên tục, không bao gồm thời gian bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và thực hiện quyết toán dự án; tách riêng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập; thay đổi về tiêu chí phân loại dự án theo hướng tăng gấp đôi mức cũ đối với các dự án nhóm A, B, C; phân cấp thẩm quyền quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách địa phương từ HĐND cấp tỉnh cho HĐND các cấp phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách địa phương,.... Do đó, UBND tỉnh kính đề nghị Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ có ý kiến đề sớm trình Quốc hội thông qua Luật Đầu tư công sửa đổi, kịp thời tháo gỡ các nút thắt còn tồn tại, nhằm khắc phục các tồn tại hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung.

(2) Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ cho tỉnh Bình Định hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và trong các năm tới, kính đề nghị đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ quan tâm, xem xét báo cáo cấp thẩm quyền cho chủ trương hỗ trợ địa phương triển khai xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, với các nội dung như sau:


Dự án đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Bình Định, Gia Lai nói riêng và các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên và duyên hải Miền Trung nói chung. Để sớm đầu tư hoàn thành dự án trước năm 2030 theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; tỉnh Bình Định kính đề nghị Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ xem xét chấp thuận cho phép đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku theo hình thức đầu tư công với các nội dung cụ thể như sau:

- Quy mô đầu tư hoàn chỉnh 04 làn xe, chiều dài 143,2km, tổng mức đầu tư dự kiến 37.653 tỷ đồng.


- Tiến độ thực hiện: Chuẩn bị đầu tư năm 2024-2025, triển khai xây dựng cơ bản hoàn thành trước năm 2030.

- Tổ chức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án; UBND các tỉnh Bình Định và Gia Lai tự thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo địa giới hành chính.

(Phụ lục số 03 đính kèm)

Trên đây là tình hình giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện trong các tháng còn lại năm 2024, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Như trên
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở: KH và ĐT; TC;
 - LĐ VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, K17
- 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tự Công Hoàng

Biểu mẫu số 1
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
 (Kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 được TTgCP giao							Giải ngân đến hết tháng 9/2024						Ước giải ngân đến hết tháng 10/2024						Ước giải ngân cả năm (từ 1/1/2024 đến 31/01/2025)						Địa phương có cam kết giải ngân 100% kế hoạch vốn	Ghi chú			
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:									
			Vốn NSTW							Vốn NSTW						Vốn NSTW															
			Trong đó:							Trong đó:						Trong đó:															
			Vốn trong nước	Nguồn vốn đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (không gồm CTMTQG)	Vốn CTMTQG	Vốn nước ngoài	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP		Vốn trong nước	Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Nguồn vốn đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (không gồm CTMTQG)	Vốn CTMTQ G		Vốn nước ngoài	Vốn cân đối NSDP	Vốn trong nước	Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước		Nguồn vốn đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (không gồm CTMTQG)	Vốn CTMTQG	Vốn nước ngoài	Vốn cân đối NSDP	Vốn trong nước			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Nguồn vốn đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (không gồm CTMTQG)
1	2	3							4						5						6						7	8			
1	Tỉnh Bình Định	7.865.617	1.776.937	1.592.087	1.199.584	392.503	184.850	6.088.680	5.737.649	1.268.129	1.103.017	873.785	229.232	165.112	4.469.520	6.475.566	1.409.140	1.229.809	970.074	259.735	179.331	5.066.426	9.467.649	1.829.113	1.644.263	1.251.760	392.503	184.850	7.638.536	X	

Biểu mẫu số 2.a

CHI TIẾT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024

(Kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư vốn năm 2024 đã được giao	Giải ngân đến hết tháng 9	Ước giải ngân đến hết tháng 10	Ước giải ngân vốn cả năm 2024 (từ 1/1/2024 đến 31/01/2025)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ		9.406.842	5.580.000	3.602.053	1.251.760	873.785	970.074	1.251.760	
A	GIAO THÔNG		8.224.187	4.720.000	2.787.553	1.209.760	846.433	937.902	1.209.760	
I	Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội		2.674.648	1.800.000	1.230.283	350.000	274.301	300.000	350.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024		2.674.648	1.800.000	1.230.283	350.000	274.301	300.000	350.000	
1	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	3728/QĐ-UBND; 08/9/2021	2.674.648	1.800.000	1.230.283	350.000	274.301	300.000	350.000	
II	Danh nhiệm vụ, mục dự án khác		5.549.539	2.920.000	1.557.270	859.760	572.132	637.902	859.760	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024		5.549.539	2.920.000	1.557.270	859.760	572.132	637.902	859.760	
1	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	4825/QĐ-UBND; 03/12/2021 2787/QĐ-UBND; 27/7/2023	791.386	440.000	189.875	99.997	53.868	67.906	99.997	
2	Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D -Quốc lộ 19 mới	2914/QĐ-UBND; 08/9/2022	1.724.921	600.000	378.158	200.000	86.730	100.000	200.000	
3	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	4093/QĐ-UBND; 06/10/2021 3396/QĐ-UBND; 19/10/2022	818.593	400.000	385.237	14.763	14.763	14.763	14.763	
4	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	3758/QĐ-UBND; 10/9/2021 2270/QĐ-UBND; 22/6/2023	1.043.639	680.000	604.000	45.000	45.000	45.000	45.000	

STT	Dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư vốn năm 2024 đã được giao	Giải ngân đến hết tháng 9	Ước giải ngân đến hết tháng 10	Ước giải ngân cả năm 2024 (từ 1/1/2024 đến 31/01/2025)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Xây dựng Tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022 4696/QĐ-UBND; 19/12/2023	1.171.000	800.000		500.000	371.771	410.233	500.000	
B	NÔNG NGHIỆP		1.052.040	790.000	763.172	23.328	10.891	13.500	23.328	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024		832.040	620.000	614.500	5.500	5.500	5.500	5.500	
1	Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (hồ Hóc Mần, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sô, Suối Chay)	2011/QĐ-UBND; 24/6/2022	78.000	70.000	66.500	3.500	3.500	3.500	3.500	
2	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	5433/QĐ-UBND; 31/12/2020 1348/QĐ-UBND; 14/4/2021 4370/QĐ-UBND; 01/11/2021 3954/QĐ-UBND; 28/11/2022	754.040	550.000	548.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024		220.000	170.000	148.672	17.828	5.391	8.000	17.828	
1	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	1077/QĐ-UBND; 04/04/2022	220.000	170.000	148.672	17.828	5.391	8.000	17.828	
C	Y TẾ		130.615	70.000	51.328	18.672	16.461	18.672	18.672	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024		130.615	70.000	51.328	18.672	16.461	18.672	18.672	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng)	52/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 1586/QĐ-UBND; 12/5/2023	130.615	70.000	51.328	18.672	16.461	18.672	18.672	

Biểu mẫu số 2.b

CHI TIẾT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2024

(Kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư							Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2024			Giải ngân đến hết tháng 9/2024			Ước giải ngân đến hết tháng 10/2024			Ước giải ngân vốn cả năm 2024 (từ 1/1/2024 đến 31/01/2025)			Ghi chú																			
							Số quyết định	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:																	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số		Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:																				
									Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tỉnh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó:			Tổng số			Trong đó:			Tổng số			Trong đó:																				
												Đưa vào cân đối NSTW				Vay lại						Vốn đối ứng						Vốn nước ngoài																				
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31																										
TỔNG SỐ																									423.129	69.279	353.850	185.850	1.000	184.850	165.112	0	165.112	179.331	0	179.331	184.850	0	184.850									
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC																																															
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023																																															
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024																																															
(1)	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án TP Quy Nhơn	7563271	B	WB	27/10/2017	30/6/2024	4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016; 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018; 3205/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 và 974/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	741.995	58.465	0	30.617 triệu USD	683.530	430.475	253.055	282756	21.589	261.167	17.150	0	17.150	12.859	0	12.859	12.859	0	12.859	17.150	0	17.150																			
3	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																																															
(1)	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	7769483	B	ADB	31/12/2021	30/11/2026	5331/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định	909.049	218.583	-	29,0 triệu USD	690.466	356.804	333.662	138.983	47.500	91.483	147.700	0	147.700	141.191	0	141.191	155.410	0	155.410	147.700	0	147.700																			
(2)	Làng Hòa Bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định		B	KOICA	2023	2026	40/NQ-HĐND ngày 07/9/2022; 3252/QĐUBND, 31/8/2023; 3615/QĐUBND, 29/9/2023	97.720	9.712	0	3,79 triệu USD	88.008	88.008	0	1.390	190	1.200	16.000	1.000	15.000	11.062	0	11.062	11.062	0	11.062	15.000	0	15.000																			
(3)	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		B	KEXIM	30/12/2020	31/12/2025	3729/QĐ-UBND, 10/10/2017; 795/QĐ-UBND, 14/3/2018; 921/QĐ-UBND, 18/3/2020; 2286/QĐ-UBND, 10/6/2020; 3455/QĐ-UBND, 21/8/2020	81.360	11.589	-	3 triệu USD	69.771	69.771	0	0	0	0	5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	0	5.000	0	5.000																			

Biểu mẫu số 2.c

CHI TIẾT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024 (CÓ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ TỪ 100 TỶ ĐỒNG TRỞ LÊN)

(Kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư vốn năm 2024	Giải ngân đến hết tháng 9	Ước giải ngân đến hết tháng 10	Ước giải ngân vốn cả năm 2023 (từ 1/1/2023 đến 31/01/2024)	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ			15.267.731	8.431.567	1.730.405	1.754.216	1.165.205	1.336.689	1.754.216	
A	GIAO THÔNG			11.193.065	5.344.381	766.903	908.724	555.030	667.589	908.724	
I	Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội			2.674.648	874.648	22.277	50.000	34.818	40.000	50.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			2.674.648	874.648	22.277	50.000	34.818	40.000	50.000	
1	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	7.909.069	3728/QĐ-UBND; 08/9/2021	2.674.648	874.648	22.277	50.000	34.818	40.000	50.000	
II	Danh mục các nhiệm vụ, dự án khác			149.980	39.957	11.367	28.589	25.700	28.589	28.589	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024			149.980	39.957	11.367	28.589	25.700	28.589	28.589	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (Năm Tân) đến ĐT.639, tuyến đường từ Quốc lộ 1 (Chợ Bông) đến ĐT.638 và tuyến đường từ cầu Chui Quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông (Tam Quan Bắc), thị xã Hoài Nhơn	2023-cbhn	972/QĐ-UBND; 31/03/2023	149.980	39.957	11.367	28.589	25.700	28.589	28.589	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			8.368.437	4.429.776	733.259	830.135	494.512	599.000	830.135	
1	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	7.897.472	3758/QĐ-UBND; 10/9/2021 2270/QĐ-UBND; 22/6/2023	1.043.639	363.639	31.741	100.000	22.530	50.000	100.000	
2	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	7.897.471	3833/QĐ-UBND; 16/9/2021 2768/QĐ-UBND; 26/8/2022 3191/QĐ-UBND; 2/10/2022	786.082	386.082	149.705	100.000	96.994	100.000	100.000	
3	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	7.897.473	4093/QĐ-UBND; 06/10/2021 3396/QĐ-UBND; 19/10/2022	818.593	418.593	27.743	140.000	53.060	70.000	140.000	

STT	Dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư vốn năm 2024	Giải ngân đến hết tháng 9	Ước giải ngân đến hết tháng 10	Ước giải ngân vốn cả năm 2023 (từ 1/1/2023 đến 31/01/2024)	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	7.909.070	4825/QĐ-UBND; 03/12/2021 2787/QĐ-UBND; 27/7/2023	791.386	351.386	37.657	57.855	3.093	15.000	57.855	
5	Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D -Quốc lộ 19 mới	7.907.649	2914/QĐ-UBND; 08/9/2022	1.724.921	1.124.921	44.432	90.000	61.480	80.000	90.000	
6	Xây dựng Tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn	2022-09	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022 4696/QĐ-UBND; 19/12/2023	1.171.000	371.000	12.904	50.000	38.705	42.000	50.000	
7	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Văn	7.848.210	4486/QĐ-UBND; 30/10/2020	519.799	519.799	292.535	40.280	32.821	35.000	40.280	
8	Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Lộc), thị xã An Nhơn	2023-nknl	4065/QĐ-UBND; 31/12/2022	104.698	30.057		21.000	15.000	18.000	21.000	
9	Đường kết nối đường 26-3, phường Tam Quan đến Cụm công nghiệp Hoài Châu	2023-26-3	1163/QĐ-UBND; 12/4/2023	183.206	46.365		23.000	14.000	15.500	23.000	
10	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát.	2022-17	4216/QĐ-UBND; 14/11/2023	434.308	103.365		5.000		1.500	5.000	
11	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	7.929.625	1892/QĐ-UBND; 13/6/2022 3286/QĐ-UBND; 5/9/2023	336.001	336.001	94.024	66.000	49.979	52.000	66.000	
12	Tuyến đường tránh qua Nhơn Lý	2022-12	61/QĐ-BQL ngày 13/3/2023	100.812	100.812	2.087	62.000	38.000	50.000	62.000	
13	Cầu Hữu Giang (kết nối QL19 đi đường ĐH.26), xã Tây Giang, huyện Tây Sơn	2023-06	1100/QĐ-UBND; 10/4/2023	149.155	72.919	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	
14	Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu	2023-DLD	4085/QĐ-UBND; 06/11/2023	204.837	204.837	430	35.000	28.850	30.000	35.000	
B	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO			346.287		90.569	101.751	74.533	76.000	101.751	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			346.287		90.569	101.751	74.533	76.000	101.751	

STT	Dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư vốn năm 2024	Giải ngân đến hết tháng 9	Ước giải ngân đến hết tháng 10	Ước giải ngân vốn cả năm 2023 (từ 1/1/2023 đến 31/01/2024)	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	7.937.039	1778/QĐ-UBND; 03/6/2022	346.287		90.569	101.751	74.533	76.000	101.751	
C	HẠ TẦNG KỸ THUẬT			1.119.348	1.030.802	394.623	241.749	168.046	193.000	241.749	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024			918.211	829.666	319.043	195.557	145.568	163.000	195.557	
1	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	7.848.750	5202/QĐ-UBND; 22/12/2020 2448/QĐ-UBND; 5/7/2023	173.000	173.000	73.000	3.000	2.000	3.000	3.000	
2	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	7.895.234	1254/QĐ-UBND; 08/4/2021 4491/QĐ-UBND; 04/12/2023	259.961	259.961	141.443	82.366	52.005	60.000	82.366	
3	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	7.894.630	78A/QĐ-BQL; 31/3/2021	178.601	178.601	46.554	26.591	13.472	20.000	26.591	
4	Hạ tầng kỹ thuật hai bên sông Hà Thanh (đoạn từ cầu Đồi đến cầu Hoa Lư)	2023-01	1171/QĐ-UBND; 08/04/2022	113.546	25.000	8.000	12.000	11.500	12.000	12.000	
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2 phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	2022-04	1779/QĐ-UBND; 3/6/2022	193.103	193.103	50.046	71.600	66.591	68.000	71.600	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			201.137	201.137	75.580	46.192	22.478	30.000	46.192	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài	7.683.305	1246/QĐ-UBND; 08/4/2021 5187/QĐ-UBND; 27/12/2021	201.137	201.137	75.580	46.192	22.478	30.000	46.192	
D	NÔNG NGHIỆP			1.655.836	1.651.443	447.640	265.650	233.630	245.100	265.650	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024			723.031	723.031	175.687	43.550	38.000	40.000	43.550	
1	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	7.848.751	5169/QĐ-UBND; 18/12/2020	573.031	573.031	89.430	10.000	10.000	10.000	10.000	
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi La Tinh	7.934.420	1078/QĐ-UBND; 04/04/2022	150.000	150.000	86.257	33.550	28.000	30.000	33.550	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			932.805	928.412	271.953	222.100	195.630	205.100	222.100	
1	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	9.000.067	4044/QĐ-UBND; 3/12/2022	330.000	330.000	53.400	70.000	68.000	70.000	70.000	

STT	Dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư vốn năm 2024	Giải ngân đến hết tháng 9	Ước giải ngân đến hết tháng 10	Ước giải ngân vốn cả năm 2023 (từ 1/1/2023 đến 31/01/2024)	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	7.891.378	3044/QĐ-UBND; 21/7/2021 3764/QĐ-UBND; 15/11/2022	316.500	316.500	172.401	62.100	59.000	62.100	62.100	
3	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	7.934.421	3743/QĐ-UBND; 14/11/2022	180.000	180.000	45.000	80.000	67.600	70.000	80.000	
4	Cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ	2023-CBĐT-VBPM	4953/QĐ-UBND; 29/12/2023	106.305	101.912	1.152	10.000	1.030	3.000	10.000	
E	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			298.500	78.300	300	30.000	10.145	13.000	30.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			298.500	78.300	300	30.000	10.145	13.000	30.000	
1	Cơ sở Huấn luyện Dự bị động viên tỉnh Bình Định	7004686	5444/QĐ-UBND; 31/12/2021 1371/QĐ-UBND; 26/4/2023	151.500	30.300		15.000	5.145	6.000	15.000	
2	Nhà làm việc khối an ninh, xây dựng lực lượng và Hội trường thuộc Công an tỉnh Bình Định.	9.302.809	8832/QĐ-BCA-H02;	147.000	48.000	300	15.000	5.000	7.000	15.000	
G	Y TẾ			654.695	326.641	30.371	206.341	123.821	142.000	206.341	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			654.695	326.641	30.371	206.341	123.821	142.000	206.341	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng)	7.911.463	52/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 1586/QĐ-UBND; 12/5/2023	130.615	60.615	563	49.000	39.090	42.000	49.000	
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định	2022-29	492/QĐ-UBND; 22/02/2023	367.500	201.500	120	147.341	75.466	90.000	147.341	
3	Xây dựng mới khu nhà điều trị - nhà hành chính của Trung tâm y tế TP Quy Nhơn	7.885.097	3619/QĐ-UBND; 01/9/2021 4683/QĐ-UBND; 18/12/2023	156.580	64.526	29.688	10.000	9.265	10.000	10.000	

Biểu mẫu số 3

TỔNG HỢP KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP XỬ LÝ CỦA BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Khó khăn, vướng mắc (đề nghị nêu rõ)							Nguyên nhân (bao gồm các nguyên nhân chủ quan, khách quan: trong từng giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án; công tác giám sát, đánh giá; công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán... trong đó làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị trong nội bộ, từng cơ quan, đơn vị khác trong quá trình phối hợp xử lý các phát sinh vướng mắc thực hiện dự án đầu tư công)	Kiến nghị giải pháp xử lý (đề nghị nêu rõ)	Ghi chú	
		Vướng mắc về thể chế, quy định của pháp luật		Vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện								
		Vướng mắc về quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn	Vướng mắc về quy định tại các Luật khác liên quan đến hoạt động đầu tư công (đề nghị nêu rõ)	Khó khăn trong quy trình triển khai dự án (đề xuất đầu tư, chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư, đền bù, giải phóng mặt bằng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt đấu thầu, thi công xây lắp, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán....)	Công tác phối hợp với các bộ quản lý ngành lĩnh vực	Kiến nghị đã gửi cơ quan trung ương nhưng vẫn chưa được xử lý đúng hạn	Giải phóng mặt bằng	Vướng mắc khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
(1)	Dự án đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	Hiện nay chưa có quy định hướng dẫn trong việc sử dụng ngân sách địa phương để giải phóng mặt bằng cho các dự án do Bộ, ngành làm chủ đầu tư									Đề sớm đầu tư hoàn thành dự án trước năm 2030, kính đề nghị Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận cho phép đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku theo hình thức đầu tư công do Bộ Giao thông vận tải làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án; UBND các tỉnh Bình Định và Gia Lai tự thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo địa giới hành chính.	